TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 31 - 01 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Danh;

2. Ông Nguyễn Thanh An;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 671/2023/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXX - ST, ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim T, sinh năm 1980 (Xin vắng mặt);

Nơi thường trú: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Hiện trú tại: Số nhà 284, ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Trần Kim S, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày: Bà và ông Trần Kim S tự nguyện kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 145, ngày 16/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng cũng có hạnh phúc. Đến năm 2021, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do từ khi kết hôn đến năm 2021, bà đi làm công nhân, có thu nhập, nên bà là người lo kinh tế chính cho gia đình. Đến năm 2021, do mùa dịch nên thu nhập của bà bị giảm sút, bà yêu cầu ông S phụ lo kinh tế nhưng ông S không đồng ý, ông S đi làm có tiền thì tự quản lý, ông S chỉ đóng tiền học cho con, phần tiền còn lại bà không biết ông S sử dụng vào mục đích gì. Từ đó, vợ chồng hay cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Cũng

trong năm 2021, ông S bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống. Ngày 01/6/2023, bà và con cũng về nhà mẹ ruột của bà ở tỉnh Tây Ninh sống cho đến nay. Từ năm 2021 đến nay, vợ chồng không sống chung, không ai quan tâm đến ai.

Hiện, bà đang buôn bán nhỏ ở gần nhà, thu nhập khoảng 200.000 đồng một ngày. Còn ông S đang làm công việc chăm sóc cây kiểng cho công ty, bà không biết về thu nhập của ông S. Từ khi ông S và bà không sống chung thì hàng tháng ông S có cho con khoảng 1.000.000 đồng.

Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Trần Kim S.

Về con chung: Bà và ông S có 01 con chung tên Trần Hữu N, sinh ngày 20/10/2011. Từ trước đến nay, con sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông S không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Kim S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông S vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Trần Kim S hiện đang trú tại xã P, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Huỳnh Kim T, ông Trần Kim S vắng mặt tại phiên tòa. Xét, nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông S đã được Tòa án tống đạt các văn bản, giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bà T và ông S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Kim T và ông Trần Kim S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Năm 2021, giữa bà T và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ năm 2021, ông S và bà T không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai nữa. Đến nay, bà T nộp đơn xin ly hôn với ông S.

Quá trình giải quyết vụ án, ông S vắng mặt và không phản hồi ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà T. Ông S cũng không có bất kỳ hành động nào thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm với bà T.

Qua đó, xác định ông S không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, giữa ông S và bà T không còn đủ sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình và hiện tại ông bà cũng không còn sống chung nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng của ông bà không còn bảo đảm theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ đó, xác định hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Kim T đối với ông Trần Kim S.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông S có 01 con chung tên Trần Hữu N, sinh ngày 20/10/2011. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Tại bản tự khai, cháu Trần Hữu Nhân có ý kiến mong muốn được sống chung với mẹ là bà Huỳnh Kim T. Ông S không có ý kiến tranh chấp đối với yêu cầu nuôi con của bà T. Do đó, căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Trần Hữu N cho bà T trực tiếp nuôi.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà T yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Nhân đủ 18 tuổi. Ông S không có ý kiến phản đối. Xét thêm về tình trạng thực tế của cháu N, hiện cháu đã 13 tuổi, có nhu cầu thiết yếu về học tập, vui chơi, sinh hoạt hàng ngày và cháu đang sống ở xã T, tỉnh Tây Ninh. Thấy rằng, điều kiện sống của cháu N cũng cần được bảo đảm tương tự như điều kiện sống của một người bình thường tại địa phương. Hội đồng xét xử tham khảo tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì xã T, tỉnh Tây Ninh thuộc vùng III, mức lương tối thiểu hàng tháng để đảm bảo cho nhu cầu sống của người lao động là 3.640.000 đồng nên mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng mỗi tháng mà bà T yêu cầu cũng là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc ông S cấp dưỡng cho con chung tên Trần Hữu N, sinh ngày 20/10/2011, mỗi tháng 2.000.000 đồng, tính từ ngày 31/01/2024 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định bà và ông S không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông S vắng mặt, không có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Kim T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Ông Trần Kim S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83,

84, 116, 117, 118 của Luật nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27, điểm đ Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Huỳnh Kim T đối với ông Trần Kim S.

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Kim T được ly hôn với ông Trần Kim S.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Kim T được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Hữu N, sinh ngày 20/10/2011. Buộc ông Trần Kim S cấp dưỡng cho con chung tên Trần Hữu N mỗi tháng 2.000.000 đồng, tính từ ngày 31/01/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông S, bà T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Ông S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà T.

Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, ông S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông S.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có căn cứ theo quy định của pháp luật, thì có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Tạm ứng án phí bà Huỳnh Kim T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010862 ngày 08/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An chuyển sang án phí. Ông Trần Kim S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Kim T và ông Trần Kim S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THA huyện S;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tô Cẩm Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**